

Bản án số: 59/2024/DS-ST
Ngày: 12 - 9 - 2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng
tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY - TỈNH HẬU GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Đông Hà.
- Ông Đặng Văn Côn.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Điền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 77/2024/TLST-DS, ngày 13 tháng 6 năm 2024 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 230/2024/QĐXXST-DS, ngày 02 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 180/2024/QĐXXST-DS, ngày 23 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S; địa chỉ trụ sở: Số B N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ nhận văn bản tố tụng: Ngân hàng Thương mại cổ phần S (TMCP) - Phòng G - tỉnh Hậu Giang; Số I, Quốc lộ F, ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền:

- Ông Phan Hữu N - Trưởng phòng G - Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh H (Vắng mặt).
- Ông Võ Trường A - Phó phòng G - Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh H (Vắng mặt).

(Theo Văn bản uỷ quyền số 3525/2023/QĐ-PC ngày 25/12/2023 của Tổng Giám đốc và Văn bản uỷ quyền số 515/2024/GUQ-CTA ngày 05/9/2024 của Trưởng phòng G - Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh H).

- Bị đơn: Ông Trương Văn Đ, sinh năm 1984; nơi cư trú: Ấp F, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang (Vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08/5/2024, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S - Phòng giao dịch huyện G - tỉnh Hậu Giang (sau đây viết tắt là: Ngân hàng hoặc Ngân hàng TMCP, do các ông Phan Hữu N và Võ Trường A đại diện) trình bày: Vào năm 2019, giữa Ngân hàng với bị đơn ông Trương Văn Đ có thoả thuận, ký kết hai hợp đồng vay như sau:

Lần 1. Vào ngày 25/6/2019, giữa Ngân hàng với bị đơn ông Trương Văn Đ có thoả thuận, ký kết Hợp đồng cho vay kèm Giấy nhận nợ số LD1917600480; theo đó, Ngân hàng cho ông Đ vay số tiền 50.000.000đ, thời hạn thanh toán 24 tháng, lãi suất vay 20%/năm, hình thức cho vay: tín chấp, mục đích vay tiêu dùng, phương thức thanh toán: trả vốn, lãi định kỳ hàng tháng theo dư nợ ban đầu; ngày nhận nợ 25/6/2019, ngày trả hết nợ 25/6/2021. Tính đến ngày 05/4/2024, ông Đ còn nợ vốn gốc 35.419.000đ; lãi trong hạn 14.166.100đ; lãi quá hạn phát sinh 36.625.814đ và lãi phạt 4.883.138đ.

Lần 2: Vào ngày 12/8/2019, giữa Ngân hàng với bị đơn ông Trương Văn Đ có ký kết một Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kèm hợp đồng, bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng (sau đây viết tắt là: Bản điều khoản) - các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng). Theo thoả thuận, Ngân hàng đã cấp Thẻ tín dụng cho ông Trương Văn Đ với hạn mức sử dụng là 20.000.000đ, lãi suất 2,5%/tháng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân. Tạm tính đến ngày 05/4/2024, ông Trương Văn Đ còn nợ Thẻ tín dụng bao gồm, vốn gốc: 19.777.795đ, lãi quá hạn 29.803.269đ; tổng cộng vốn lãi là 49.581.064đ.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc bị đơn có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 05/4/2024 là:

- Khoản vay theo Hợp đồng LD1917600480: 91.094.052đ.

- Khoản vay Thẻ tín dụng: 49.581.064đ.

Tổng cộng hai khoản vay: 140.675.116đ và các khoản lãi phát sinh từ ngày 04/4/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng và các chi phí phát sinh liên quan.

Bị đơn ông Trương Văn Đ: Quá trình thu thập chứng cứ, mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không lý do, cũng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tình tiết, sự kiện các bên đã thống nhất và không thống nhất: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Ngân hàng Thương mại cổ phần S - Chi nhánh H - Phòng G (sau đây viết tắt là: Ngân hàng) khởi kiện bị đơn là ông Trương Văn Đ để yêu cầu thanh toán nợ theo Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ và Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng; do bị đơn cư trú tại ấp F, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 16 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng, Tòa án thụ lý theo quan hệ “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

[1.2] Theo hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số LD1917600480, ngày 25/6/2019; Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng (áp dụng cho khách hàng cá nhân) ngày 12/8/2019 và bản phô tô Sổ hộ khẩu gia đình, đều ghi nhận địa chỉ nơi cư trú của ông Trương Văn Đ được ghi trong các văn bản nêu trên đều thuộc ấp F, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang; như vậy, Ngân hàng đã ghi đúng địa chỉ giao dịch của bị đơn được ghi trong các hợp đồng, giao dịch; theo “Giấy xác minh” của Ngân hàng, hiện nay ông Trương Văn Đ không có mặt ở địa chỉ cư trú tại thời điểm ký kết hợp đồng, giao dịch; coi như bên có nghĩa vụ (ông Đ) thay đổi địa chỉ nơi cư trú mới mà không thông báo cho bên có quyền (Ngân hàng) được biết; do đó, ông Trương Văn Đ bị coi là cố tình giấu địa chỉ cư trú, nhằm trốn tránh trách nhiệm với bên có quyền.

[1.3] Về xét xử vắng mặt: Ông Trương Văn Đ đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vắng mặt, không lý do, cũng không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan, không có người đại diện tham gia phiên tòa; vào ngày 12/9/2024 ông Võ Trường A (đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn) có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

[1.4] Xét thấy, vụ án Tòa án không thu thập chứng cứ; căn cứ Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Thông tư liên tịch số 02/2026/TTLT-VKSNDTC-TANDTC, ngày 31 tháng 8 năm 2016 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Tòa án nhân dân tối cao: “Quy định việc phối hợp giữa Viện kiểm sát nhân dân và

Tòa án nhân dân trong việc thi hành quy định của Bộ luật tố tụng dân sự”, thì vụ án không thuộc trường hợp Kiểm sát viên phải tham gia phiên toà.

[2] Áp dụng pháp luật về nội dung: Giao dịch giữa các bên được ký kết, thực hiện vào năm 2019, nên áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết.

[3] Đối với Ngân hàng, để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là có căn cứ và hợp pháp thì Ngân hàng cung cấp bản sao được công chứng gồm: Hợp đồng cho vay kèm Giấy nhận nợ số LD1917600480, ngày 25/6/2019 và Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kèm hợp đồng (áp dụng cho khách hàng cá nhân) ngày 12/8/2019, trong đó ghi đầy đủ thông tin cá nhân của ông Trương Văn Đ, bên dưới chữ “Chữ ký và họ tên của Chủ thẻ chính” có chữ ký và ghi rõ họ tên ông Trương Văn Đ và bên dưới chữ “Bên vay” có chữ ký và ghi rõ họ tên ông Trương Văn Đ; qua đó, đã có căn cứ để xác định, vào năm 2019 giữa Ngân hàng với ông Trương Văn Đ có thoả thuận, ký kết hai hợp đồng nêu trên là có thật.

[4] Về phía bị đơn ông Trương Văn Đ, quá trình thu thập chứng cứ vắng mặt tại địa phương, cũng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng; do đó, Toà án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[5] Theo Hợp đồng cho vay kèm Giấy nhận nợ (sau đây viết tắt là: Hợp đồng cho vay) số LD1917600480, ngày 25/6/2019 thì Ngân hàng cho ông Trương Văn Đ vay số tiền 50.000.000đ, thời hạn thanh toán 24 tháng (chia làm 24 kỳ (mỗi kỳ trả vốn 2.083.000đ), lãi suất vay 20%/năm, hình thức cho vay: tín chấp, mục đích vay tiêu dùng, phương thức thanh toán: trả vốn, lãi định kỳ hàng tháng theo dư nợ ban đầu; ngày nhận nợ 25/6/2019, ngày trả hết nợ 25/6/2021; trong thời hạn vay ông Đ có trả nợ vốn được 07 kỳ, với số tiền là 14.581.000đ, còn nợ gốc chưa thanh toán là 35.419.000đ. Do ông Trương Văn Đ không thực hiện đúng cam kết, thoả thuận trong hợp đồng nên ông Trương Văn Đ là bên vi phạm Hợp đồng.

[5.1] Về lãi suất: theo mục 3.1 Điều 3 của Hợp đồng cho vay các bên thoả thuận lãi suất 20%/năm (tương ứng với 1,67%/tháng) là có căn cứ; theo mục 7.3 Điều 7 của Hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ thì: “7.3. Trường hợp khoản cho vay được thực hiện theo phương thức trả góp (vốn lãi chia đều), lãi suất thực tế của khoản cho vay được xác định theo công thức như sau: $L = 2n.a/(n+1)$. Trong đó, L : là lãi suất thực tế của khoản cho vay (%/năm); n : là thời hạn của khoản cho vay (tính theo số kỳ trả lãi); a : là lãi suất để tính số vốn và lãi định kỳ mà Bên vay phải trả cho S1 (%/năm)””; theo bảng tính lãi ngày 12/9/2024 của Ngân hàng thì khoản vay này ông Trương Văn Đ còn nợ lãi trong

hạn tính đến ngày 12/9/2024 là: 14.166.100đ. Căn cứ vào thoả thuận về lãi suất thì yêu cầu của Ngân hàng với số tiền lãi 14.166.100đ, là có căn cứ.

[5.2] Về phần yêu cầu lãi quá hạn: Theo mục 5.3 Điều 5 của Hợp đồng cho vay các bên thoả thuận: “5.3. *Trường hợp chậm trả gốc. Bên vay đồng ý chịu mức lãi suất nợ quá hạn đối với phần nợ gốc quá hạn mà bên vay không trả đúng hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn*”. Như nhận định tại mục [6], thời hạn thanh toán khoản vay này là 24 tháng, kể từ ngày 25/6/2019 đến hết ngày 25/6/2021 bên vay phải thanh toán hết nợ; do ông Trương Văn Đ không thanh toán hết nợ gốc nên số tiền nợ gốc chưa thanh toán 35.419.000đ được chuyển sang nợ quá hạn; theo bảng tính lãi ngày 12/9/2024 của Ngân hàng thì phần lãi quá hạn tính đến ngày 12/9/2024 là: 42.175.839đ; do đó, yêu cầu trả lãi quá hạn của Ngân hàng là có căn cứ. Trường hợp ông Trương Văn Đ chậm thanh toán nợ gốc, thì số tiền nợ gốc tiếp tục phát sinh lãi quá hạn kể từ ngày 13/9/2024 cho đến khi thanh toán hết nợ gốc.

[6.3] Về phần yêu cầu trả lãi phạt quá hạn: Theo mục 5.4 Điều 5 của Hợp đồng cho vay các bên thoả thuận: “5.4. *Trường hợp chậm trả lãi, bên vay đồng ý chịu mức lãi suất trên số dư lãi chậm trả bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả*”; theo bảng tính lãi phải trả ngày 12/9/2024 thì Ngân hàng yêu cầu lãi phạt quá hạn số tiền tổng cộng: 5.623.002đ. Theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Tòa án xem xét, quyết định theo nguyên tắc chỉ xử lý một lần đối với mỗi hành vi không trả nợ đúng hạn; do đó, các bên thoả thuận lãi phạt chậm trả 10% năm tương ứng với thời gian chậm trả là không đúng quy định. Trong tháng 02/2020, ông Trương Văn Đ không trả lãi theo thoả thuận, do đó chỉ coi thời gian chậm trả lãi trong tháng 02/2020 là một lần vi phạm và phải chịu lãi phạt với số tiền 7.991đ, nên bị đơn phải trả cho Ngân hàng số tiền này; do đó, Ngân hàng yêu cầu trả lãi phạt chỉ được chấp nhận một phần, phần yêu cầu không được chấp nhận Ngân hàng phải chịu án phí tương ứng: $(5.623.063đ - 7.991đ) \times 5\% = 280.753đ$.

[6.5] Như nhận định tại các tiểu mục thuộc mục [6], tổng số vốn, lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi phạt chậm trả tính đến ngày xét xử sơ thẩm (12/9/2024) tổng cộng là: 91.768.930đ.

[7] Khoản vay ngày 12/8/2019 theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, bản Điều khoản. Theo thoả thuận, Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng cho ông Trương Văn Đ với hạn mức sử dụng là 20.000.000đ, lãi suất tại thời điểm mở thẻ 2,5%/tháng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân.

[7.1] Theo phần “Cam kết” của Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kèm Hợp đồng ngày 12/8/2019 dẫn chiếu đến Bản điều khoản; tại mục 1.31 bản Điều khoản (đơn vị phát hành thẻ, có hiệu lực từ ngày 15/8/2016) thì: “1.31) Lãi suất là lãi suất thoả thuận giữa đơn vị phát hành thẻ và chủ thẻ”; theo bản tóm tắt sao kê tài khoản của khách hàng, số thẻ 356480-5494, khoản vay này tính đến ngày 12/9/2024 (ngày xét xử sơ thẩm) ông Trương Văn Đ còn nợ gốc 19.777.795đ.

[7.2] Lãi quá hạn, theo bản tóm tắt sao kê ngày 12/9/2024, khoản vay này tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 12/9/2024 ông Trương Văn Đ còn nợ lãi quá hạn là 36.509.620đ. Tổng cộng vốn lãi là: 56.287.415đ; do đó yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ; buộc ông Trương Văn Đ có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền vốn lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 12/9/2024) tổng cộng là: 56.287.415đ.

[8] Đối với hai khoản vay trên, việc tính lãi đã được tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 12/9/2024); kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm (từ ngày 13/9/2024) khách hàng vay chậm thanh toán nợ gốc thì tiếp tục phải chịu lãi suất theo thoả thuận cho đến khi thanh toán xong nghĩa vụ trả nợ gốc theo Hợp đồng.

[9] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận, nên bị đơn ông Trương Văn Đ phải chịu án phí có giá ngạch với số tiền tổng cộng vốn lãi của hai hợp đồng là: $(91.768.930đ + 56.287.415đ) \times 5\% = 7.402.800đ$ (làm tròn).

[10] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 85, khoản 1 và khoản 4 Điều 91, Điều 93, Điều 94, các khoản 1, 10 Điều 95, Điều 96, khoản 2 Điều 97, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14: Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 12 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Áp dụng: các Điều 40, 85, 116, 117, 118, 119, 134, 135, 136, 138, 274, 275, 280, 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Các khoản 14, 16, 22 Điều 4, Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S - Phòng G - Chi nhánh H về việc yêu cầu bị đơn ông Trương Văn Đ trả nợ theo Hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ số LD1917600480, ngày 25/6/2019 và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng (áp dụng cho khách hàng cá nhân) ngày 12/8/2019.

2. Buộc ông Trương Văn Đ có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S - Phòng G - Chi nhánh H theo Hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ số LD1917600480, ngày 25/6/2019 và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng (áp dụng cho khách hàng cá nhân) ngày 12/8/2019 tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 12/9/2024), tổng cộng số tiền số tiền vốn lãi của hai hợp đồng: 148.056.345đ {(Một trăm bốn mươi tám ngàn không trăm năm mươi sáu ngàn ba trăm bốn mươi lăm đồng; trong đó: nợ vốn của Hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ số LD1917600480, ngày 25/6/2019 là: 35.419.000đ và nợ vốn theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng (áp dụng cho khách hàng cá nhân) ngày 12/8/2019 là 19.777.795đ)}.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 13/9/2024) cho đến khi thi hành án xong khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ số LD1917600480, ngày 25/6/2019 và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng (áp dụng cho khách hàng cá nhân) ngày 12/8/2019.

Trường hợp trong Hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ số LD1917600480, ngày 25/6/2019 và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng (áp dụng cho khách hàng cá nhân) ngày 12/8/2019, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Buộc ông Trương Văn Đ phải chịu án phí số tiền là: 7.402.800đ (Bảy triệu bốn trăm lẻ hai ngàn tám trăm đồng).

3.2. Ngân hàng Thương mại cổ phần S - Phòng G - Chi nhánh H phải chịu án phí số tiền 280.753đ (Hai trăm tám mươi ngàn bảy trăm năm mươi ba đồng).

Được trừ vào số tiền 1.250.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0008716, ngày 13/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang; Ngân hàng Thương mại cổ phần S - Phòng G - Chi nhánh H được nhận lại số tiền 969.274đ (Chín trăm sáu

mười chín ngàn hai trăm bảy mươi bốn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0008716, ngày 13/6/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục THA DS h.Vị Thủy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP;
- Công TTĐT (để công bố);

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Văn Hùng